

LỊCH CƠ CẤU DANH MỤC CÁC QUỸ ETF

Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8
Quỹ DCVFM VN30 ETF, SSIAM VN30 ETF, MAFM VN30 ETF, KIM Growth VN30 ETF (VN30 Index)		
NAV: 12.957,3 tỷ VND	- Ngày công bố: 16/07 - Ngày giao dịch: 17/07-04/08 - Kỳ đánh giá tiếp theo: 15/10 Link báo cáo kết quả danh mục	
Quỹ DCVFMVN DIAMOND ETF, MAFM VNDIAMOND ETF, BVFN DIAMOND ETF (VNDiamond Index)		
NAV: 11.585,7 tỷ VND	- Ngày công bố: 16/07 - Ngày giao dịch: 17/07-04/08 - Kỳ đánh giá tiếp theo: 20/10 Link báo cáo kết quả danh mục	
Quỹ SSIAM VNFIN LEAD ETF, VFM VN MIDCAP ETF, Vina Capital VN100 ETF,... (6 quỹ)		
NAV: 2.952,9 tỷ VND	- Ngày công bố: 16/07 - Ngày giao dịch: 17/07-04/08	
Quỹ FTSE Vietnam ETF (FTSE Vietnam Index)		
- NAV: 6.826,5 tỷ VND - Ngày công bố: 06/06 - Ngày giao dịch: 09/06-20/06 - Kỳ đánh giá tiếp theo: 05/09 Kết quả: thêm NVL, loại SIP Ước tính: Top mua NVL, MSN, VCB, SSI Ước tính: Top bán VHM, VIC, SIP		
Quỹ VanEck Vectors Vietnam ETF (MarketVector Vietnam Local Index)		
- NAV: 10.754,0 tỷ VND - Ngày công bố: 13/06 - Ngày giao dịch: 09/06-20/06 - Kỳ đánh giá tiếp theo: 12/09 Link báo cáo kết quả danh mục		

Nguồn: DSC tổng hợp dựa vào dữ liệu ngày 12/06/2025

Kết quả review chỉ số FTSE Vietnam Q2/2025

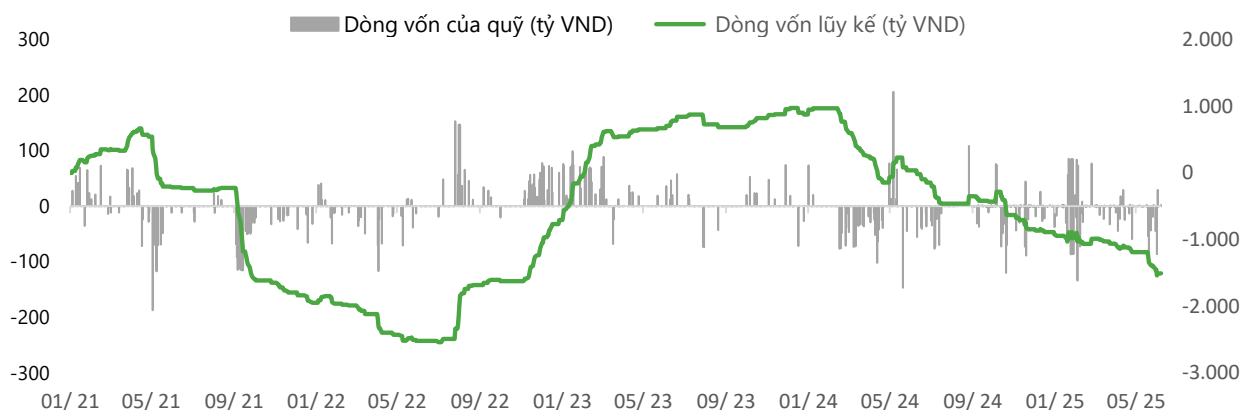
KẾT QUẢ CHI TIẾT DANH MỤC FTSE VIETNAM

- FTSE công bố danh mục cổ phiếu thành phần bộ chỉ số FTSE Vietnam All-share và FTSE Vietnam Index vào ngày 06/06/2025, hoàn thành cơ cấu vào ngày 23/06/2025 và có hiệu lực từ ngày 24/06/2025. Ngày chốt số liệu chính thức của chỉ số: 30/05/2025.
- **Danh mục chỉ số thêm cổ phiếu NVL và loại cổ phiếu SIP** trong đợt review này.

TỔNG QUAN

Hiện quỹ FTSE Vietnam ETF, lấy chỉ số FTSE Vietnam làm cơ sở có tổng tài sản quản lý hơn 6,826 tỷ đồng. Từ đầu năm 2025 đến nay, tổng tài sản quỹ tăng 6,2% với tổng số chứng chỉ quỹ là 9,4 triệu chứng chỉ.

Dòng vốn ETF hàng tháng của quỹ FTSE Vietnam (tỷ VNĐ)



Nguồn: Fiinpro

KẾT QUẢ

Danh mục cổ phiếu thành phần FTSE Vietnam Index thêm NVL và loại SIP.

Dựa theo tiêu chí review FTSE Vietnam Index, SIP có thanh khoản thấp trong Q2/2025, ở mức 56 tỷ đồng/ngày, nên bị loại khỏi giỏ chỉ số với tỷ trọng 0,9%. Ngược lại, NVL được thêm vào giỏ chỉ số với tỷ trọng 2,02% khi thị giá tăng đáng kể trong 3 tháng qua, nâng vốn hóa cổ phiếu nằm trong top 88% giá trị vốn lũy kế của danh mục cổ phiếu được xem xét. Ngoài ra, NVL cũng đã được HSX loại khỏi diện cảnh báo trong tháng 4/2025.

Với việc niêm yết của VPL, DSC có xem xét khả năng được thêm vào chỉ số của cổ phiếu. VPL chính thức niêm yết trên HOSE vào ngày 13/5/2025 và hiện chưa đáp ứng tiêu chí về thời gian niêm yết (3 tháng) và thanh khoản. Chúng tôi sẽ đánh giá lại khả năng vào chỉ số của VPL trong kỳ rà soát tiếp theo.

Danh mục mới bao gồm 32 cổ phiếu với tỷ trọng tập trung các nhóm ngành: bất động sản (~39%); chứng khoán (~14%) và ngân hàng (~12%).

Hoạt động đáng chú ý của quỹ ETF theo chỉ số FTSE Vietnam Index

Với thay đổi trên, DSC ước tính quỹ ETF sẽ mua mới: NVL (9,7 triệu cp). Đồng thời để tái cơ cấu danh mục, quỹ có thể mua thêm lượng lớn cổ phiếu: SSI (2,3 triệu cp), MSN (1,3 triệu cp) và bán mạnh VHM (1,7 triệu cp), VIC (1,25 triệu cp), SIP (965 nghìn cp).

Kết quả review chỉ số FTSE Vietnam Q2/2025

KẾT QUẢ CỔ PHIẾU THÀNH PHẦN CHỈ SỐ FTSE Q2/2025

STT	Mã	Giá	Số lượng CP lưu hành	Tỷ lệ free-float	Vốn hóa (đồng)	Tỷ trọng mới
1	VIC	98.400	3.823.661.561	30%	376.248.297.602.400	14,98%
2	HPG	25.750	6.396.250.200	55%	164.703.442.650.000	11,07%
3	VHM	77.600	4.107.412.004	25%	318.735.171.510.400	9,77%
4	VCB	56.400	8.355.675.094	11%	471.260.075.301.600	7,61%
5	MSN	62.000	1.438.351.617	55%	89.177.800.254.000	6,76%
6	SSI	23.450	1.961.872.450	70%	46.005.908.952.500	5,24%
7	VNM	54.900	2.089.955.445	40%	114.738.553.930.500	4,95%
8	VRE	27.500	2.272.318.410	40%	62.488.756.275.000	3,91%
9	VCI	36.000	718.099.480	60%	25.851.581.280.000	2,92%
10	VIX	13.650	1.458.513.173	95%	19.908.704.811.450	2,76%
11	VND	15.700	1.522.299.908	75%	23.900.108.555.600	2,55%
12	SHB	13.550	4.065.250.816	85%	55.084.148.556.800	2,47%
13	DGC	89.900	379.778.413	60%	34.142.079.328.700	2,47%
14	VJC	87.000	541.611.334	55%	47.120.186.058.000	2,16%
15	NVL	14.150	1.950.104.538	65%	27.593.979.212.700	2,02%
16	EIB	22.700	1.862.720.607	85%	42.283.757.778.900	1,99%
17	GEX	35.450	902.398.948	75%	31.990.042.706.600	1,87%
18	KDH	29.400	1.011.142.565	60%	29.727.591.411.000	1,83%
19	KBC	26.300	767.604.759	70%	20.188.005.161.700	1,24%
20	FRT	168.000	136.242.389	55%	22.888.721.352.000	1,21%
21	PDR	17.100	907.235.083	50%	15.513.719.919.300	1,14%
22	DXG	18.100	870.849.983	85%	15.762.384.692.300	1,07%
23	VPI	53.400	320.049.577	50%	17.090.647.411.800	1,02%
24	TCH	19.800	668.215.843	55%	13.230.673.691.400	1,00%
25	VTP	107.000	121.783.042	40%	13.030.785.494.000	0,94%
26	POW	13.100	2.341.871.600	25%	30.678.517.960.000	0,93%
27	DIG	16.100	646.443.114	80%	10.407.734.135.400	0,84%
28	VCG	21.800	598.593.458	55%	13.049.337.384.400	0,81%
29	DPM	33.350	391.334.260	45%	13.050.997.571.000	0,69%
30	FTS	36.500	336.509.609	55%	12.282.600.728.500	0,62%
31	PVD	18.350	555.880.006	50%	10.200.398.110.100	0,61%
32	HSG	16.300	620.982.309	85%	10.122.011.636.700	0,59%
	SIP	68.600	210.533.403	45%	14.442.591.445.800	0,00%
Tổng						100,0%

Nguồn: DSC ước tính

Kết quả review chỉ số FTSE Vietnam Q2/2025

ƯỚC TÍNH SỐ LƯỢNG MUA/BÁN CỔ PHIẾU CỦA QUỸ FTSE VIETNAM ETF Q2/2025

STT	Mã	Tỷ trọng mới	Tổng SLCP mua/bán	Tổng giá trị giao dịch (đồng)	Số phiên GD tương ứng (SLCP / KLGD TB 1 năm)
1	NVL	2,0%	9.745.307	137.896.100.824	0,92
2	MSN	6,8%	1.343.287	83.283.783.666	0,31
3	VCB	7,6%	1.149.860	64.852.126.625	0,60
4	SSI	5,2%	2.328.883	54.612.317.158	0,17
5	VRE	3,9%	1.166.718	32.084.736.330	0,13
6	EIB	2,0%	691.676	15.701.041.183	0,11
7	VTP	0,9%	146.739	15.701.041.183	0,18
8	VJC	2,2%	156.932	13.653.079.290	0,23
9	VND	2,6%	826.142	12.970.425.325	0,07
10	SHB	2,5%	906.847	12.287.771.361	0,04
11	VCI	2,9%	322.364	11.605.117.396	0,05
12	DGC	2,5%	113.902	10.239.809.467	0,07
13	DIG	0,8%	551.211	8.874.501.538	0,06
14	PDR	1,1%	399.213	6.826.539.645	0,06
15	VIX	2,8%	450.102	6.143.885.680	0,02
16	POW	0,9%	416.888	5.461.231.716	0,06
17	TCH	1,0%	206.865	4.095.923.787	0,03
18	VCG	0,8%	125.258	2.730.615.858	0,02
19	DXG	1,1%	(75.431)	(1.365.307.929)	(0,01)
20	PVD	0,6%	(297.615)	(5.461.231.716)	(0,09)
21	HSG	0,6%	(376.926)	(6.143.885.680)	(0,05)
22	HPG	11,1%	(318.130)	(8.191.847.574)	(0,02)
23	VPI	1,0%	(153.405)	(8.191.847.574)	(0,11)
24	KBC	1,2%	(337.434)	(8.874.501.538)	(0,07)
25	DPM	0,7%	(409.388)	(13.653.079.290)	(0,18)
26	KDH	1,8%	(534.049)	(15.701.041.183)	(0,23)
27	GEX	1,9%	(635.475)	(22.527.580.828)	(0,08)
28	FTS	0,6%	(635.897)	(23.210.234.792)	(0,28)
29	FRT	1,2%	(142.220)	(23.892.888.757)	(0,32)
30	VNM	5,0%	(696.332)	(38.228.622.011)	(0,22)
31	VIC	15,0%	(1.255.695)	(123.560.367.570)	(0,36)
32	VHM	9,8%	(1.706.635)	(132.434.869.108)	(0,20)
	SIP	0,0%	(965.269)	(66.217.434.554)	(2,10)

Nguồn: DSC ước tính

**Kết quả review chỉ số FTSE Vietnam Q2/2025****PHỤ LỤC****TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CHỈ SỐ FTSE VIETNAM INDEX**

Tiêu chí	Cổ phiếu thuộc bộ chỉ số	Cổ phiếu không thuộc bộ chỉ số
Vốn hóa	Top 88% cổ phiếu đợt xem xét	Top 92% cổ phiếu đợt xem xét
Thanh khoản	Ít nhất 20% GTGD bình quân FTSE VN Index 3 tháng gần nhất	Ít nhất 40% GTGD bình quân FTSE VN Index 3 tháng gần nhất
Tỷ lệ free float	> 5% và <=15% ; Vốn hoá >= 25,000 tỷ đồng	> 5% và <=15% ; Vốn hoá >= 45,000 tỷ đồng
Room ngoại còn lại	>= 2%	>= 10%
Kỳ review	Theo quý	
Kỳ cơ cấu	Nửa năm (tháng 3, tháng 9)	

Nguồn: LSEG, DSC tổng hợp

Xác nhận của chuyên viên phân tích

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán DSC và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Liên hệ - Trung tâm phân tích DSC

Trương Thái Đạt,

GD. Trung tâm Phân tích
dat.tt@dsc.com.vn

Trần Thanh Vân

Chuyên viên Phân tích
van.tt@dsc.com.vn

HỘI SỞ CHÍNH

📍 Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội

☎ (024) 3880 3456

✉ info@dsc.com.vn